

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 23-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Nhân;

2. Bà Phạm Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với:

Các bị cáo:

1. Ngô Đình Đ sinh ngày 13/9/1991; nơi sinh: Huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn AQ, xã K, Huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Đình Đ (đã chết) và bà: Đỗ Thị N sinh năm 1954; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2016/HSST ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân Huyện P xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong án hình phạt tù ngày 27/4/2018

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện P, tỉnh Thái Bình.

2.Lương Thành S sinh ngày 28/11/1993; nơi sinh: Huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã AT, Huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn D sinh năm 1965 và bà: Đàm Thị T sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Thị L sinh năm 1997; con: Có 01 con sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 76/2015/HSST ngày 25/8/2015 của Tòa án nhân dân Huyện P xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2016 (*đã được xóa án tích*)

Bị cáo ra đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 03/02/2020 đến ngày 06/02/2020 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an Huyện P, tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Anh Vũ Văn Th sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn X, xã AĐ, Huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Minh T sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn VH, xã AV, Huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Bà Đỗ Thị N sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn AQ, xã K, Huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, anh T, ông Th và bà N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngô Đình Đ và Lương Thành S có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau, đều là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Sáng ngày 12/12/2019, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17K4 – 6973 của gia đình Đ đến nhà S chơi. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Đ nảy sinh ý định rủ S đi trộm cắp bình ắc quy của xe ô tô, máy cày bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nên bảo S “*Tao với mày đi ra đồng xem ai để xe ô tô, máy cày ngoài đồng không có người trông coi thì trộm cắp bình ắc quy mang đi bán*”. S đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe trên chở S, khi đi đến khu vực giao nhau giữa đê sông Hóa với đường vào Thôn X, xã AĐ tiếp tục rẽ trái đi vào đường thôn Đào Xá thì S bảo Đ điều khiển xe quay lại, đứng trên đê. Cả hai phát hiện thấy chiếc ô tô tải, S màu trắng, biển kiểm soát 29C – 01879 của anh Vũ Văn T đang đỗ trong bãi vật liệu xây dựng ngoài đê sông Hóa, phần đầu xe hướng chệch chéo ra hướng sông H. Quan sát thấy xung quanh vắng vẻ, bãi vật liệu không có người trông coi nên S và Đ thống nhất trộm cắp chiếc ắc quy của xe ô tô trên. Cả hai đi đến, quan sát thấy khung dưới thân xe bên phải có 02 bình ắc quy gồm: 01 chiếc nhãn hiệu ENIMAC, loại 12V – 150AH và 01 chiếc nhãn hiệu GS, loại 12V –

150AH, vỏ đều bằng nhựa màu trắng – xanh, được cố định bằng 01 ổ khoá chữ U bị hỏng và thanh sắt ngang chắn mặt bình ắc quy. S ngồi xuống dùng tay phá ổ khoá và các dây nối cực ắc quy mất khoảng 04 phút rồi bảo Đ “*Tao với mày tháo ra*”. Đ dùng tay phải cầm quai bình ắc quy ENIMAC kéo ra ngoài. S đứng dậy dùng tay trái cầm quai bình còn lại. Cả hai khênh chiếc bình ắc quy để lên bụng xe mô tô của Đ dựng trên đê. S định quay lại trộm cắp chiếc bình ắc quy còn lại thì Đ bảo “*Thôi không lấy nữa đi thôi không người ta biết*”. Sau đó, Đ chở S cùng chiếc bình ắc quy theo đường đê về xã An Thái, đến nhà ông Vũ Minh Th làm nghề thu mua phế liệu, nói với ông Th chiếc bình ắc quy là tài sản của gia đình S bị hỏng nên bán. Ông Th đồng ý mua chiếc bình ắc quy với giá 750.000 đồng. Số tiền này Đ và S chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 17/12/2019 Hội đồng định giá tài sản Huyện Quỳnh Phụ kết luận chiếc bình ắc quy nhãn hiệu ENIMAC loại 12V – 150AH vỏ bằng nhựa màu trắng xanh mà Đ, S trộm cắp của anh Vũ Văn T có trị giá 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Ngô Đình Đ và Lương Thành S đều khai: Sáng ngày 12/12/2019 bị cáo Ngô Đình Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17K4 – 6973 của gia đình đến nhà bị cáo Lương Thành S chơi. Khoảng 11 giờ cùng ngày bị cáo rủ S đi trộm cắp bình ắc quy của xe ô tô, bị cáo S đồng ý. Bị cáo Đ điều khiển xe chở bị cáo S đến bãi vật liệu xây dựng của anh Vũ Văn T. Tại đây cùng nhau lấy chiếc bình ắc quy và cùng khiêng chiếc ắc quy lên bụng xe mô tô dựng trên đê. S định lấy nốt chiếc ắc quy còn lại nhưng Đ không đồng ý, cả hai cùng nhau chở chiếc bình ắc quy đến nhà ông Vũ Minh T bán được 750.000 đồng. Số tiền này các bị cáo chia đều và chi tiêu cá nhân hết. Các bị cáo đều nhận trách nhiệm liên đới trả lại ông Vũ Minh T số tiền này. Đối với chiếc xe mà bị cáo Đ điều khiển để các bị cáo đi trộm cắp, đây là tài sản của mẹ bị cáo – bà Đỗ Thị N, bà N không biết bị cáo dùng vào việc trộm cắp tài sản. Bị cáo Đ đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho bà Nhật.

Bị hại anh Vũ Văn T khai: Khoảng 11 giờ trưa ngày 12/12/2019, anh có điều khiển ô tô tải, S màu trắng, biển kiểm soát 29C – 01879 để ở bãi vật liệu xây dựng ngoài đê sông Hóa thuộc địa phận Thôn X, xã AĐ, đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì anh phát hiện chiếc xe ô tô trên đã bị mất 01 bình ắc quy ANIMAC, sau này anh biết được bị cáo Ngô Đình Đ và Lương Thành S là người đã trộm cắp chiếc bình ắc quy trên của anh. Nay anh đã nhận lại chiếc bình ắc quy đã bị mất đúng như đặc điểm đã nêu trên, anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự, còn về trách nhiệm hình sự anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Minh Th khai: vào khoảng 14 giờ ngày 12/12/2019, ông có mua 01 chiếc bình ắc quy quy nhãn hiệu ENIMAC loại 12V – 150AH vỏ bằng nhựa màu trắng xanh do Lương Thành S và Ngô Đình Đ bán với giá 750.000 đồng. Ông đã tự nguyện giao nộp chiếc bình ắc quy trên cho cơ quan Điều tra. Ông yêu cầu bị cáo Đ và S phải liên đới trả lại ông số tiền 750.000 đồng mà ông đã mua bình ắc quy của S và Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị N khai: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Ngô Đình Đ, về hành vi phạm tội của Đ và S bà không có ý kiến gì. Riêng đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K4 – 6973 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn V mà các bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản là xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà, bà đề nghị xin lại chiếc xe trên.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKSQP ngày 28/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Ngô Đình Đ và Lương Thành S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Ngô Đình Đ và Lương Thành S về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Ngô Đình Đ và Lương Thành S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 50, điểm h và s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Đình Đ, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Thành S: xử phạt bị cáo Ngô Đình Đ từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019; xử phạt bị cáo Lương Thành S từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Ngô Đình Đ và Lương Thành S liên đới trả lại ông Vũ Minh T số tiền 750.000 đồng do ông T mua bình ắc quy của các bị cáo, kỷ phần mỗi bị cáo là 375.000 đồng. Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu nên bị cáo Ngô Đình Đ đã rủ bị cáo Lương Thành S cùng nhau đi trộm cắp bình ắc quy bán để lấy tiền chi tiêu. Các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 20 ngày 12/12/2019, tại bãi vật liệu xây dựng giáp đê sông Hóa, thuộc địa phận Thôn X, xã AĐ, bị cáo Ngô Đình Đ và Lương Thành S đã có hành vi trộm cắp 01 bình ắc quy nhãn hiệu ENIMAC loại 12V – 150AH của xe ô tô tải, biển kiểm soát 29C – 01879 có giá trị 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) của anh Vũ Văn Tở Thôn X, xã AĐ, Huyện P, tỉnh Thái Bình. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

đ) Tài sản là di vật, cổ vật

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”,

Việc Viện kiểm sát nhân dân Huyện Quỳnh Phụ truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo phạm tội tự phát, không bàn bạc phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo song cũng cần thấy được vai trò của từng bị cáo để lên một mức án tương xứng với vai trò của từng bị cáo. Bị cáo Ngô Đình Đ là người khởi xướng, rủ rê, dùng phương tiện thuộc quyền quản lý hợp pháp của mình để làm phương tiện phạm tội và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Còn bị cáo Lương Thành S sau khi được bị cáo Đ rủ rê hưởng ứng ngay, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, bị cáo Đ có vai trò cao hơn, tích cực hơn so với bị cáo S.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu các bị cáo không chịu lao động mà lại trộm cắp tài sản của người khác, lợi dụng thời điểm vắng người qua lại, địa điểm phạm tội lại xa khu vực dân cư nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tài sản mà các bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội gây thiệt hại không lớn*” và “*thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm h và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đối với bị cáo Lương Thành S, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, bị cáo lại có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô Đình Đ đã bị Tòa án xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lương Thành S không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân các bị cáo thì thấy: Bị cáo Ngô Đình Đ đã bị Tòa án xét xử chưa được xóa án tích mà lại phạm tội. Bị cáo Lương Thành S đã bị Tòa án xét xử về

tội “*Cướp tài sản*”, đã được xóa án tích. Các bị cáo đều đã được giáo dục, cải tạo song không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo.

[8] Từ những căn cứ, nhận định nêu trên nên về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Ngô Đình Đ phải cao hơn bị cáo Lương Thành S và như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, ngoài ra bị cáo Ngô Đình Đ thuộc hộ nghèo vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Vũ Văn T đã nhận lại chiếc bình ắc quy của xe ô tô mà bị các bị cáo trộm cắp, anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không giải quyết. Đối với số tiền 750.000 đồng do các bị cáo bán bình ắc quy cho ông Vũ Minh Th, số tiền này các bị cáo chia đều. Đây là số tiền các bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp của ông Thoại, ông Thoại yêu cầu các bị cáo liên đới trả lại ông số tiền này nên buộc các bị cáo phải liên đới trả lại ông Thoại số tiền này là phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17K4 – 6973 mà Ngô Đình Đ và Lương Thành S sử dụng làm phương tiện phạm tội, đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Đỗ Thị N– mẹ đẻ bị cáo Đ. Bà Nhật không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà N là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Ông Vũ Văn Th là người đã mua chiếc bình ắc quy mà các bị cáo trộm cắp, khi mua ông Thoại không biết đây là tài sản trộm cắp do đó Cơ quan Điều tra không xử lý về hành vi mua bán của ông Th là phù hợp.

[13] Về án phí: Đối với bị cáo Lương Thành S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm quy định tại Điều khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do bị cáo Ngô Đình Đ thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ngô Đình Đ và Lương Thành S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm h và s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Đình Đ 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm h và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Thành S 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Vũ Văn T đã nhận lại tài sản đã bị mất, anh T không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Ngô Đình Đ và Lương Thành S liên đới trả lại cho ông Vũ Minh Th số tiền do các bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp (tiền bán bình ắc quy) cho ông Th là 750.000 đồng. Kỷ phần mỗi bị cáo là 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp bà Đỗ Thị N 01 xe mô tô nhãn hiệu Prime, biển kiểm soát 17K4-6973 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V.

(Các vật chứng trên được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 28/02/2020)

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Lương Thành S phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

- Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Ngô Đình Đ.

6.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã K, h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã AT, h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(*Đã ký*)